TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN NAM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/KDTM-ST
Ngày: 28 - 3 - 2023
V/v tranh chấp "Hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN NAM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Liên.

2. Ông Thiên Anh Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Xuân Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam *tham gia phiên toà:*

Bà Hồ Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2022/TLST-KDTM ngày 18 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp *"Hợp đồng mua bán hàng hóa"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-KDTM ngày 17 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-KDTM ngày 07 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty A

Địa chỉ: Số 53 đường N, Khu phố 4, phường T, thành phố PR, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: ông Nguyễn Văn Q, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Phan Duy Q1, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Số 37/6 đường Trần Đại Nghĩa, Khu phố 2, phường M, thành phố PR, tỉnh Ninh Thuận.

2. *Bị đơn:* Công ty B

Địa chỉ: Tầng 3 - Tòa nhà TM - Khu đô thị VK, phường LK, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: ông Nguyễn Tiến D, chức vụ: Tổng giám đốc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty A là ông Phan Duy Q1 trình bày:

Công ty A với Công ty B đã ký kết Hợp đồng mua bán bê tông số 67/HĐMB-2019 ngày 21/01/2019 và Phụ lục 01 ngày 15/5/2019 về việc "Bổ sung hợp đồng số 67/HĐMB-2019 ngày 21/01/2019". Nội dung hợp đồng là Công ty A bán bê tông thương phẩm đá các loại cho Công ty B để thực hiện dự án Điện mặt trời tại xã Phước Minh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty A đã bán bê tông thương phẩm cho Công ty B, tính đến ngày 26/9/2019, với tổng giá trị các lần bán là 845.505.000 đồng *(Bằng chữ: Tám trăm bốn mươi lăm triệu năm trăm lẽ năm nghìn đồng).* Công ty B đã thanh toán cho Công ty A tổng số tiền 766.505.000 đồng *(Bằng chữ: Bảy trăm sáu mươi sáu triệu năm trăm lẽ năm nghìn đồng).* Vì vậy, bị đơn Công ty B còn nợ của nguyên đơn Công ty A 79.000.000 đồng *(Bằng chữ: Bảy mươi chín triệu đồng)*. Cụ thể, nguyên đơn và bị đơn đã tiến hành đối chiếu công nợ và lập Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ bê tông tháng 6/2019 vào ngày 01/7/2019 thể hiện: Tính đến ngày 01/7/2019, giữa Công ty B đã phát sinh dự nợ đầu kỳ mang sang là 165.925.000 đồng; Trong kỳ: Công ty B đã mua của nguyên đơn 93 m^3 bê tông thương phẩm đá 1x2 M250 trị giá 119.970.000 đồng và đã mua 19 m^3 bê tông thương phẩm đá 1x2 M300 trị giá 26.030.000 đồng. Vì vậy, tổng số tiền bị đơn phải thanh toán là 232.925.000 đồng. Trong kỳ: Công ty Cổ phần Sông Đà đã chuyển khoản thanh toán vào ngày 12/6/2019 là 165.925.000 đồng và tiếp tục chuyển khoản thanh toán vào ngày 26/6/2019 là 67.000.000 đồng. Vì vậy, tính đến ngày 01/7/2019, bị đơn Công ty B còn nợ của nguyên đơn 79.000.000 đồng (cách tính: 232.925.000 đồng - 165.925.000 đồng - 67.000.000 đồng). Việc xác nhận công nợ này đã được hai bên xác nhận theo Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ bê tông tháng 6/2019. Đến ngày 18/02/2020, Công ty A và Công ty B tiếp tục xác nhận lại công nợ này theo Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ bê tông tháng 02/2020 với công nợ bị đơn còn thiếu là 79.000.000 đồng.

Từ đó đến nay, qua nhiều lần đề nghị bị đơn thanh toán khoản nợ này nhưng vẫn không có phản hồi. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Công ty B trả khoản nợ 79.000.000 đồng *(Bằng chữ: Bảy mươi chín triệu đồng)*, không yêu cầu tính lãi chậm thanh toán đối với khoản nợ này.

Quá trình tố tụng, Bị đơn Công ty B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Bị đơn Công ty B trả khoản nợ còn thiếu là 79.000.000 đồng.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Công ty A khởi kiện yêu cầu Công ty B trả khoản nợ còn thiếu theo Hợp đồng mua bán hàng hóa là bê tông thương phẩm, hai bên đều có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Nơi thực hiện hợp đồng tại Dự án điện mặt trời tại xã Phước Minh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận. Do Công ty B không thanh toán khoản nợ còn thiếu nên nguyên đơn Công ty A yêu cầu thanh toán khoản nợ này. Nguyên đơn cam kết chỉ yêu cầu Tòa án nơi thực hiện hợp đồng là Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng Dân sự, đây là vụ án kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại Hợp đồng mua bán bê tông số 67/HĐMB-2019 ngày 21/01/2019 và Phụ lục số 01 ngày 15/5/2019 về việc "Bổ sung hợp đồng số 67/HĐMB-2019 ngày 21/01/2019" thể hiện: Bên mua là Công ty B có địa chỉ Tầng 3 - Tòa nhà TM - Khu đô thị Văn Khê, Phường La Khê, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội (BL 06 đến 10 và BL 03, 04). Quá trình hai bên thực hiện hợp đồng mua bán bê tông thương phẩm, nguyên đơn đều liên hệ, xác nhận công nợ qua địa chỉ này. Tại Công văn số 680/CCTT-ĐKKD ngày 06/3/2023 của Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội (BL 127) xác nhận trụ sở Công ty B là địa chỉ nêu trên, người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Tiến Dũng. Quá trình giao dịch, Nguyên đơn cũng đã lập biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ với Chi nhánh Công ty B (Thành phố Hà Nội) có địa chỉ tại Bản TS, xã PX, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Tại Công văn số 31/CV-ĐKKD ngày 27/02/2023 của Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Thanh

Hóa (BL 120) cũng xác nhận Công ty B có Chi nhánh này, tình trạng pháp lý là đang hoạt động. Tuy nhiên, quá trình tố tụng, UBND phường La Khê nơi bị đơn có trụ sở đã xác nhận Công ty B hiện không còn hoạt động tại địa chỉ Tầng 3, Tòa nhà TM, Khu đô thị VK, phường LK, quận H, Thành phố Hà Nội, UBND phường La Khê không có thông tin về địa chỉ mới của Công ty B (BL 102). Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai văn bản tố tụng của Tòa án đối với Công ty B theo quy định và cũng đã tiến hành niêm yết công khai văn bản tố tụng đối với Chi nhánh Công ty B (Thành phố Hà Nội) theo quy định nhưng bị đơn vẫn không có trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi Tòa án. Tại phiên tòa, nguyên đơn xác nhận Công ty B không thông báo địa chỉ mới hiện nay cho nguyên đơn biết. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, được coi là bị đơn Công ty B cố tình dấu địa chỉ nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, đồng thời triệu tập bị đơn lên Tòa án để tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham gia phiên tòa nhưng bị đơn Công ty B đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty A yêu cầu bị đơn Công ty B trả khoản nợ tiền mua bê tông thương phẩm còn thiếu, số tiền 79.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Xét về nội dung và hình thức, thẩm quyền ký kết hợp đồng tại Hợp đồng mua bán bê tông số 67/HĐMB-2019 ngày 21/01/2019 và Phụ lục 01 ngày 15/5/2019 về việc "Bổ sung hợp đồng số 67/HĐMB-2019 ngày 21/01/2019" đều có nội dung và hình thức của hợp đồng mua bán hàng hóa tuân thủ đúng quy định của pháp luật, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

Tại Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ bê tông tháng 6/2019 ngày 01/7/2019 thể hiện: giữa Chi nhánh Công ty B đã phát sinh dự nợ đầu kỳ mang sang là 165.925.000 đồng; Trong kỳ: Công ty B đã mua của nguyên đơn 93 m^3 bê tông thương phẩm đá 1x2 M250 trị giá 119.970.000 đồng và đã mua 19 m^3 bê tông thương phẩm đá 1x2 M300 trị giá 26.030.000 đồng. Vì vậy, tổng tiền bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 232.925.000 đồng. Trong kỳ: Công ty Cổ phần Sông Đà đã chuyển khoản thanh toán vào ngày 12/6/2019 là 165.925.000 đồng (Phù hợp với Phiếu chi tiết giao dịch ngày 12/6/2019 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Ninh Thuận, BL 97) và tiếp tục chuyển khoản thanh toán vào ngày 26/6/2019 là 67.000.000 đồng đồng (Phù hợp với Phiếu chi tiết giao dịch ngày 26/6/2019 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Ninh Thuận, BL 97). Vì vậy, tính đến ngày 01/7/2019, bị đơn Công ty B còn nợ của nguyên đơn 79.000.000 đồng (cách tính: 232.925.000 đồng - 165.925.000 đồng - 67.000.000 đồng). Việc xác nhận công nợ này đã được Công ty A và Chi nhánh Công ty B (Thành phố Hà Nội) xác nhận công nợ và đóng dấu xác nhận. Tại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh Công ty B (Thành

phố Hà Nội) thể hiện là hoạt động theo ủy quyền của Công ty B (BL 119). Đến ngày 18/02/2020, giữa bên bán là Công ty A với bên mua là Công ty B đã tiếp tục đối chiếu và xác nhận công nợ đến ngày 17/02/2020, tiền nợ bê tông thương phẩm theo Hợp đồng mua bán bê tông số 67/HĐMB-2019 ngày 21/01/2019 và Phụ lục số 01 ngày 15/5/2019 với công nợ là 79.000.000 đồng (Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ bê tông tháng 2/2020, BL 02). Phía bị đơn Công ty B đã ký xác nhận công nợ và đóng con dấu của Công ty B tại mục đại diện bên mua của Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ bê tông tháng 2/2020 này. Bị đơn cũng không có ý kiến phản đối về Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ bê tông tháng 2/2020 do nguyên đơn cung cấp nên đây là chứng cứ chứng minh tính đến ngày 17/02/2020, đủ căn cứ xác định, Công ty B còn nợ tiền bê tông thương phẩm của Công ty A số tiền 79.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn Công ty B không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì chứng minh bị đơn đã trả khoản công nợ này cho nguyên đơn. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ cho bị đơn Công ty B các văn bản về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn không có ý kiến phản bác hay tranh chấp gì. Vì vậy, đủ căn cứ chứng minh Công ty B đã còn nợ của Công ty A 79.000.000 đồng tiền mua hàng bê tông thương phẩm. Căn cứ Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ bê tông tháng 6/2019 (BL 93) và Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ bê tông tháng 02/2020 (BL 02) và Điều 50 của Luật Thương mại năm 2005, bị đơn Công ty B phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty A số tiền 79.000.000 đồng này.

Về thời hạn thanh toán: Tại Điều 3.2 của Hợp đồng mua bán bê tông số 67/HĐMB-2019 ngày 21/01/2019 thể hiện *"... Bên B sẽ phải thanh toán cho bên A 100% giá trị còn lại hai bên đã nghiệm thu trong vòng 07 ngày kể từ ngày Bên B nhận đủ hồ sơ thanh toán ..."*. Nguyên đơn đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng; Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ bê tông và các Văn bản đề nghị thanh toán đúng quy định tại Điều 3.2 của Hợp đồng mua bán bê tông số 67/HĐMB-2019 ngày 21/01/2019 cho bị đơn. Chứng tỏ nguyên đơn đã hoàn thành nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa thực hiện thanh toán công nợ nêu trên nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Nay do thời gian vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã lâu, bị đơn không trả nợ gây thiệt hại cho nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu trả công nợ còn thiếu là có cơ sở. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Công ty A không yêu cầu tính lãi chậm thanh toán đối với khoản nợ này theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại nên Hội đồng xét xử không xét đến.

Từ những phân tích nêu trên, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên chấp nhận. Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty B phải trả cho Công ty A khoản nợ 79.000.000 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi chín triệu đồng).

[3] Về án phí:

- Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Công ty A không phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm trong vụ án này và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Bị đơn Công ty B phải chịu 3.950.000 đồng *(Bằng chữ: Ba triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm {cách tính: 79.000.000 đồng x 5%}.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 30, 35, 40, 147, 227, 271, 273, 280 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Các điều 24, 34, 35, 50, 306 Luật Thương mại; điểm b khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/NQ-HĐTP ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty A.

1. Buộc Công ty B phải có trách nhiệm trả cho Công ty A khoản nợ 79.000.000 đồng *(Bằng chữ: Bảy mươi chín triệu đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Công ty B phải chịu 3.950.000 đồng *(Bằng chữ: Ba triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm trong vụ án.

- Hoàn trả cho Công ty A 3.000.000 đồng *(Bằng chữ: Ba triệu đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001495 ngày 18/10/2022 của Chi Cục thi hành án Dân sự huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tống đạt được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Thuận Nam;
- Chi cục THADS huyện Thuận Nam;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Tâm

Các Hội thẩm nhân dân	**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
Nguyễn Thị Liên Trịnh Thị Hồng Cúc	**Nguyễn Quốc Tâm**